ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG BỈM SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5979 /UBND-VHXH V/v hướng dẫn thực hiện một số thủ tục đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp	*Bỉm Sơn, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi:

- Uỷ ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội phường;
- Các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính UBND phường;
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn;
- Hội Doanh nghiệp phường Bỉm Sơn;
- Tổ trưởng các tổ dân phố;
- Giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công Bỉm Sơn.

Thực hiện Công văn số 5320/SKHCN- CNgSHTT ngày 03/11/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn thực hiện một số thủ tục đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp. Nhằm góp phần nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) của tỉnh Thanh Hóa, của phường Bỉm Sơn nói riêng, đặc biệt là cải thiện các chỉ tiêu liên quan đến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ còn đạt kết quả thấp, đồng thời hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân chủ động thực hiện các thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân phường Bỉm Sơn hướng dẫn đến các cơ quan, đơn vị một số thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm: đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, sáng chế và kiểu dáng công nghiệp như sau:

Nội dung hướng dẫn cụ thể về đối tượng, điều kiện bảo hộ, thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện và một số lưu ý trong quá trình đăng ký được gửi kèm theo Công văn này để các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, phổ biến và chủ động triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân phường đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm chủ động rà soát, phát hiện, lựa chọn các sản phẩm, kết quả nghiên cứu, giải pháp kỹ thuật, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp có tiềm năng để hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện thủ tục đăng ký bảo hộ theo quy định, góp phần thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh của tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị liên hệ Phòng Quản lý Chuyên ngành và Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa để được hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời. Thông tin đầu mối liên hệ: Bà Trịnh Kim Chi – Phó Trưởng phòng Quản lý Chuyên ngành và Sở hữu

trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa; điện thoại: 0913944785.

Ủy ban nhân dân phường Bỉm Sơn đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch UBND phường (b/c);
- Lưu: VT,VHXH, manhnv(01).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Sỹ Tiến

Phụ lục 1

Hướng dẫn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu

I. Thông tin chung về thủ tục

1. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký nhãn hiệu.

2. Mã số thủ tục: 1.015002

3. Đơn vị thực hiện thủ tục, cấp giấy chứng nhận: Cục Sở hữu trí tuệ- Bộ Khoa học và Công nghệ

II. Thành phần hồ sơ đăng ký nhãn hiệu:

Căn cứ quy định tại Điều 68 Thông tư 10/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026, hồ sơ đăng ký nhãn hiệu bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Tờ khai đăng ký nhãn hiệu theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I của Thông tư này.

2. Mẫu nhãn hiệu kèm theo (nộp kèm 05 mẫu nhãn hiệu đối với trường hợp nộp đơn dạng giấy).

3. Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đối với nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận.

4. Văn bản ủy quyền (nếu đơn nộp thông qua đại diện).

5. Tài liệu chứng minh quyền đăng ký nhãn hiệu nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đăng ký của người khác.

6. Tài liệu chứng minh việc cho phép đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có chứa địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản địa phương của Việt Nam theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều 87 của Luật Sở hữu trí tuệ.

7. Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên, bao gồm:

a) Bản sao đơn hoặc các đơn đầu tiên của cơ quan đã nhận đơn đầu tiên;

b) Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên nếu quyền đó được thụ hưởng từ người khác.

8. Tài liệu chứng minh quyền sử dụng hình ảnh của cá nhân để đăng ký nhãn hiệu, bao gồm:

a) Bản sao giấy tờ tùy thân (có hình ảnh cá nhân) trong trường hợp người nộp đơn sử dụng hình ảnh của chính mình;

b) Văn bản đồng ý cho phép sử dụng hình ảnh của cá nhân phù hợp với quy định của pháp luật dân sự trong trường hợp người nộp đơn sử dụng hình ảnh của cá nhân khác và bản sao giấy tờ tùy thân (có hình ảnh cá nhân) của người đó;

c) Người nộp đơn không phải nộp bản sao giấy tờ tùy thân theo quy định tại điểm a và b khoản này trong trường hợp Cục Sở hữu trí tuệ tiếp cận được thông tin này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

9. Tài liệu khác bổ trợ cho đơn (nếu có).

III. Hướng dẫn các bước thực hiện:

Bước 1. Thiết kế, lựa chọn mẫu nhãn hiệu

Đơn vị chủ động xây dựng, lựa chọn mẫu nhãn hiệu dự kiến đăng ký bảo hộ, bảo đảm phù hợp với tên gọi, đặc điểm sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và định hướng phát triển thương hiệu của đơn vị.

Trong quá trình thiết kế, lựa chọn nhãn hiệu cần lưu ý:

Nhãn hiệu phải có khả năng phân biệt hàng hóa, dịch vụ của đơn vị với hàng hóa, dịch vụ của chủ thể khác; ưu tiên lựa chọn tên gọi, hình ảnh, dấu hiệu có tính sáng tạo, dễ nhận biết, dễ ghi nhớ.

Không lựa chọn các dấu hiệu không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu theo Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, như: dấu hiệu trùng hoặc tương tự với quốc kỳ, quốc huy, quốc ca; tên gọi, biểu tượng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội theo quy định; dấu hiệu mang tính lừa dối, gây nhầm lẫn về nguồn gốc, tính năng, công dụng, chất lượng của hàng hóa, dịch vụ và các dấu hiệu thuộc trường hợp bị cấm khác.

Tránh sử dụng các dấu hiệu không có khả năng phân biệt theo Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, như tên gọi thông thường của sản phẩm, hình ảnh mô tả trực tiếp sản phẩm, dấu hiệu chỉ chất lượng, công dụng, thành phần, đặc tính hoặc chỉ nguồn gốc địa lý của sản phẩm mà không có yếu tố phân biệt theo quy định.

Không sử dụng nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã đăng ký hoặc được bảo hộ trước đó cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự.

Trường hợp nhãn hiệu có sử dụng tên địa danh, biểu tượng, hình ảnh di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa hoặc hình ảnh của tổ chức, cá nhân khác, cần rà soát kỹ quyền sử dụng và các điều kiện pháp lý có liên quan.

Bước 2. Lập hồ sơ đăng ký nhãn hiệu

Sau khi lựa chọn được mẫu nhãn hiệu, đơn vị tiến hành:

Xác định chính xác chủ thể đứng tên đăng ký nhãn hiệu (tên doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc tổ chức theo giấy tờ pháp lý);

Xác định danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cần đăng ký bảo hộ và phân nhóm theo Bảng phân loại quốc tế Nice;

Kê khai đầy đủ thông tin trong tờ khai đăng ký nhãn hiệu theo biểu mẫu kèm theo;

Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu trong thành phần hồ sơ theo hướng dẫn tại Mục 1 Công văn này;

Kiểm tra, đối chiếu tính chính xác, thống nhất giữa mẫu nhãn hiệu, thông tin chủ đơn và danh mục hàng hóa, dịch vụ trước khi nộp.

Bước 3. Nộp đơn đăng ký nhãn hiệu

Sau khi hoàn thiện hồ sơ, đơn vị tiến hành nộp đơn đăng ký nhãn hiệu tại Cục Sở hữu trí tuệ theo một trong các hình thức sau:

Tự nộp đơn: Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức trực tiếp nộp hồ sơ hoặc thực hiện nộp đơn trực tuyến theo quy định.

Nộp đơn thông qua tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp: Đơn vị lựa chọn tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp được Cục Sở hữu trí tuệ cấp phép hoạt động để được tư vấn, hỗ trợ tra cứu, hoàn thiện hồ sơ, nộp đơn và theo dõi quá trình xử lý đơn.

(Có Danh sách các tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp tra trên trang Cục Sở hữu trí tuệ được gửi kèm theo Công văn này để các đơn vị tham khảo, lựa chọn).

Bước 4. Theo dõi quá trình xử lý đơn và phản hồi yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

Sau khi nộp đơn, đơn vị có trách nhiệm:

Lưu giữ giấy tiếp nhận đơn, số đơn và các tài liệu liên quan đến quá trình nộp đơn;

Thường xuyên theo dõi tình trạng xử lý đơn, các thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ;

Kịp thời nghiên cứu, thực hiện việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc có ý kiến phản hồi đối với các thông báo, yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ trong thời hạn quy định;

Thực hiện đầy đủ các khoản phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính phát sinh theo quy định;

Theo dõi kết quả thẩm định để thực hiện các thủ tục tiếp theo cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hoặc nhận được kết quả xử lý đơn.

Đối với các đơn vị đã nộp đơn đăng ký nhãn hiệu nhưng chưa được cấp văn bằng bảo hộ, đề nghị tiếp tục theo dõi tình trạng xử lý đơn tại Cục Sở hữu trí tuệ; chủ động kiểm tra các thông báo, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để kịp thời thực hiện việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ, giải trình hoặc phản hồi theo thời hạn quy định; không để đơn bị từ chối hoặc chấm dứt xử lý do không thực hiện các yêu cầu trong thời hạn.

IV. Video hướng dẫn thực hiện thủ tục đăng ký nhãn hiệu:

Để hỗ trợ các đơn vị thuận lợi trong quá trình tìm hiểu và thực hiện thủ tục đăng ký nhãn hiệu, Sở Khoa học và Công nghệ giới thiệu video hướng dẫn quy trình nộp đơn đăng ký nhãn hiệu do Cục Sở hữu trí tuệ cung cấp.

Đề nghị các đơn vị truy cập đường link sau để xem và nghiên cứu thực hiện: https://e-learning.ipvietnam.gov.vn/danh-sach-video/detail/20

Các đơn vị chủ động nghiên cứu video hướng dẫn, kết hợp với hệ thống biểu mẫu và tài liệu gửi kèm Công văn này để triển khai thực hiện.

Phụ lục 2

Hướng dẫn đăng ký bảo hộ sáng chế

I. Thông tin chung về thủ tục

1. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký sáng chế.

2. Mã số thủ tục: 1.014999

3. Đơn vị thực hiện thủ tục, cấp giấy chứng nhận: Cục Sở hữu trí tuệ- Bộ Khoa học và Công nghệ

II. Thành phần hồ sơ đăng ký nhãn hiệu:

Căn cứ quy định tại Điều 11 Thông tư 10/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026, hồ sơ đăng ký sáng chế bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Tờ khai đăng ký sáng chế theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I của Thông tư này;

2. Bản mô tả sáng chế;

3. Bản tóm tắt sáng chế;

4. Văn bản ủy quyền (nếu đơn nộp thông qua đại diện);

5. Tài liệu chứng minh quyền đăng ký, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác;

6. Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên bao gồm:

a) Bản sao đơn hoặc các đơn đầu tiên của cơ quan đã nhận đơn đầu tiên;

b) Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên nếu quyền đó được thụ hưởng từ người khác;

7. Tài liệu thuyết minh về nguồn gốc của nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen đối với sáng chế được trực tiếp tạo ra dựa trên nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen;

8. Tài liệu khác bổ trợ cho đơn (nếu có).

III. Hướng dẫn các bước thực hiện:

Bước 1. Xác định, lựa chọn giải pháp kỹ thuật dự kiến đăng ký bảo hộ sáng chế

Đơn vị chủ động rà soát, xác định các giải pháp kỹ thuật do đơn vị nghiên cứu, sáng tạo hoặc làm chủ, có khả năng đăng ký bảo hộ dưới hình thức sáng chế, nhằm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và khai thác hiệu quả giá trị của kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ. Trong quá trình xác định, lựa chọn sáng chế cần lưu ý:

- Đối tượng đăng ký bảo hộ phải là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình và không thuộc các đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế theo Điều 59 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Sáng chế dự kiến đăng ký cần đáp ứng các điều kiện bảo hộ theo Điều 58 Luật Sở hữu trí tuệ. Cụ thể, đối với Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp kỹ thuật phải có tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp; đối với Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, giải pháp kỹ thuật phải có tính mới, không phải là

hiểu biết thông thường và có khả năng áp dụng công nghiệp.

- Thực hiện tra cứu thông tin sáng chế đã được công bố trong nước và quốc tế để đánh giá sơ bộ khả năng bảo hộ, xác định các giải pháp kỹ thuật đã tồn tại có nội dung trùng hoặc tương tự với giải pháp dự kiến đăng ký.

- Xác định rõ tác giả sáng chế, chủ sở hữu sáng chế và chủ thể có quyền đăng ký theo quy định tại Điều 86 và Điều 122 Luật Sở hữu trí tuệ. Trường hợp sáng chế được tạo ra từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hoặc từ hoạt động hợp tác nghiên cứu, cần rà soát quyền đăng ký, quyền sở hữu, quyền quản lý, khai thác kết quả nghiên cứu và các thỏa thuận có liên quan theo quy định pháp luật.

- Đối với sáng chế có sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) trong quá trình nghiên cứu, cần xác định rõ cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động sáng tạo, bảo đảm việc xác định và kê khai tác giả đáp ứng quy định tại Điều 122 Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật có liên quan về việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với đối tượng được tạo ra có sử dụng hệ thống AI.

- Đặc biệt lưu ý giữ bí mật nội dung sáng chế trước khi nộp đơn đăng ký; hạn chế việc công bố công khai giải pháp kỹ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng, hội thảo khoa học, bài báo, tài liệu giới thiệu sản phẩm hoặc chuyển giao cho bên thứ ba khi chưa có biện pháp bảo mật phù hợp, nhằm tránh ảnh hưởng đến điều kiện về tính mới của sáng chế. Trường hợp cần công bố hoặc trao đổi thông tin, đơn vị cần có biện pháp bảo mật phù hợp và xem xét thời điểm nộp đơn trước khi thực hiện.

Bước 2. Lập hồ sơ đăng ký sáng chế

Sau khi xác định được giải pháp kỹ thuật có khả năng đăng ký bảo hộ, đơn vị tiến hành:

- Xác định chính xác chủ thể có quyền đăng ký và đứng tên trên đơn đăng ký sáng chế theo quy định pháp luật.

- Xác định tên sáng chế, lĩnh vực kỹ thuật liên quan và lựa chọn hình thức bảo hộ phù hợp (Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, nếu đáp ứng điều kiện).

- Kê khai đầy đủ thông tin trong tờ khai đăng ký sáng chế theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan; sử dụng biểu mẫu hiện hành theo hướng dẫn của Cục Sở hữu trí tuệ.

- Chuẩn bị bản mô tả sáng chế, bao gồm phần mô tả và yêu cầu bảo hộ, trong đó trình bày đầy đủ tên sáng chế, lĩnh vực sử dụng sáng chế, tình trạng kỹ thuật, bản chất kỹ thuật, mô tả chi tiết các phương án thực hiện, ví dụ thực hiện (nếu có) và hiệu quả đạt được.

- Xây dựng bản yêu cầu bảo hộ sáng chế, xác định rõ các dấu hiệu kỹ thuật cơ bản cần được bảo hộ và phạm vi bảo hộ dự kiến, bảo đảm phù hợp với nội dung bản

mô tả sáng chế.

- Chuẩn bị bản tóm tắt sáng chế và bản vẽ, sơ đồ hoặc hình ảnh minh họa (nếu có).

- Chuẩn bị các tài liệu liên quan khác trong thành phần hồ sơ theo quy định, bao gồm văn bản ủy quyền (nếu nộp đơn thông qua đại diện), tài liệu chứng minh quyền đăng ký (nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đăng ký từ người khác), tài liệu chứng minh quyền ưu tiên (nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên) và tài liệu thuyết minh về nguồn gốc nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen (nếu thuộc trường hợp phải cung cấp).

- Kiểm tra, đối chiếu tính chính xác, thống nhất giữa thông tin chủ đơn, tác giả, bản mô tả, bản yêu cầu bảo hộ, bản vẽ và các tài liệu kèm theo trước khi nộp.

Bước 3. Nộp đơn đăng ký sáng chế

Sau khi hoàn thiện hồ sơ, đơn vị tiến hành nộp đơn đăng ký sáng chế tại Cục Sở hữu trí tuệ theo một trong các hình thức sau:

- Tự nộp đơn: Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hoặc cá nhân có quyền đăng ký trực tiếp nộp hồ sơ tại Cục Sở hữu trí tuệ, gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc thực hiện nộp đơn trực tuyến theo quy định.

- Nộp đơn thông qua tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp: Đơn vị lựa chọn tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp được phép hoạt động theo quy định để được tư vấn, hỗ trợ tra cứu khả năng bảo hộ, đánh giá giải pháp kỹ thuật, xây dựng bản mô tả, bản yêu cầu bảo hộ, hoàn thiện hồ sơ, nộp đơn và theo dõi quá trình xử lý đơn.

Trường hợp sáng chế thuộc lĩnh vực kỹ thuật có liên quan đến quốc phòng, an ninh và thuộc diện phải kiểm soát an ninh theo quy định tại Điều 89a Luật Sở hữu trí tuệ, đơn vị cần thực hiện các yêu cầu về kiểm soát an ninh đối với sáng chế trước khi nộp đơn đăng ký ở nước ngoài.

Bước 4. Theo dõi quá trình xử lý đơn và phản hồi yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

Sau khi nộp đơn, đơn vị có trách nhiệm:

- Lưu giữ giấy tiếp nhận đơn, số đơn, ngày nộp đơn và các tài liệu liên quan đến quá trình nộp đơn để làm căn cứ theo dõi, thực hiện các thủ tục tiếp theo.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng xử lý đơn, các thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ về quá trình thẩm định hình thức, công bố đơn, phản đối đơn (nếu có) và thẩm định nội dung.

- Kịp thời nghiên cứu, thực hiện việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc có ý kiến giải trình, phản hồi đối với các thông báo, yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ trong thời hạn quy định.

- Chủ động thực hiện thủ tục yêu cầu thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên (nếu có) đối với đơn đăng ký sáng chế được nộp từ ngày 01/4/2026 trở đi. Đối với đơn nộp trước ngày 01/4/2026, thực hiện theo quy định chuyển tiếp tương ứng. Trường hợp không

có yêu cầu thẩm định nội dung trong thời hạn quy định, đơn được coi như đã rút theo Điều 113 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Theo dõi việc công bố đơn đăng ký sáng chế trên Công báo sở hữu công nghiệp. Theo quy định tại Điều 110 Luật Sở hữu trí tuệ, đơn đăng ký sáng chế được công bố trong tháng thứ 19 kể từ ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên (nếu có). Trường hợp người nộp đơn có yêu cầu công bố sớm, đơn được công bố trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày có yêu cầu công bố sớm hoặc kể từ ngày đơn được coi là hợp lệ, tùy thời điểm nào muộn hơn.

- Theo dõi thời hạn và thực hiện quyền phản đối đơn đăng ký sáng chế của bên thứ ba (nếu có nhu cầu), đồng thời chủ động theo dõi, xử lý các ý kiến phản đối liên quan đến đơn đăng ký của đơn vị theo quy định tại Điều 112a Luật Sở hữu trí tuệ.

- Đối với đơn đăng ký sáng chế được công bố từ ngày 01/4/2026, theo dõi thời hạn thẩm định nội dung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 119 Luật Sở hữu trí tuệ. Theo đó, thời hạn thẩm định nội dung là 12 tháng kể từ ngày công bố đơn nếu yêu cầu thẩm định nội dung được nộp trước ngày công bố đơn hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu thẩm định nội dung nếu yêu cầu được nộp sau ngày công bố đơn. Trường hợp thuộc điều kiện được áp dụng cơ chế thẩm định nội dung nhanh, đơn vị có thể xem xét thực hiện thủ tục yêu cầu thẩm định nhanh theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ các khoản phí, lệ phí liên quan đến việc nộp đơn, công bố đơn, tra cứu, thẩm định nội dung và cấp văn bằng bảo hộ theo quy định.

- Theo dõi kết quả thẩm định nội dung; trường hợp có thông báo dự định từ chối cấp văn bằng bảo hộ, đơn vị cần nghiên cứu lý do, chuẩn bị tài liệu và ý kiến phản hồi, giải trình hoặc sửa đổi đơn theo quy định và thời hạn được thông báo.

- Trường hợp đơn đáp ứng điều kiện bảo hộ, thực hiện đầy đủ các khoản phí, lệ phí cấp văn bằng bảo hộ theo thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ để được cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích.

- Sau khi được cấp văn bằng bảo hộ, đơn vị có trách nhiệm quản lý, khai thác sáng chế, thực hiện thủ tục duy trì hiệu lực hằng năm đối với Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích theo quy định tại Điều 93 Luật Sở hữu trí tuệ. Bằng độc quyền sáng chế có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 20 năm kể từ ngày nộp đơn; Bằng độc quyền giải pháp hữu ích có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm kể từ ngày nộp đơn.

IV. Video hướng dẫn thực hiện thủ tục đăng ký nhãn hiệu:

Để hỗ trợ các đơn vị thuận lợi trong quá trình tìm hiểu và thực hiện thủ tục đăng ký sáng chế, Sở Khoa học và Công nghệ giới thiệu video hướng dẫn quy trình nộp đơn đăng ký sáng chế do Cục Sở hữu trí tuệ cung cấp. Đề nghị các đơn vị truy cập đường link sau để xem và nghiên cứu thực hiện:

Các đơn vị chủ động nghiên cứu video hướng dẫn, kết hợp với hệ thống biểu mẫu và tài liệu gửi kèm Công văn này để triển khai thực hiện.

Phụ lục 3

Hướng dẫn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp

I. Thông tin chung về thủ tục

1. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký kiểu dáng công nghiệp

2. Mã số thủ tục: 1.015000

3. Đơn vị thực hiện thủ tục, cấp giấy chứng nhận: Cục Sở hữu trí tuệ- Bộ Khoa học và Công nghệ

II. Thành phần hồ sơ đăng ký nhãn hiệu:

Căn cứ quy định tại Điều 45 Thông tư 10/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026, hồ sơ đăng ký kiểu dáng công nghiệp bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Tờ khai đăng ký kiểu dáng công nghiệp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I của Thông tư này.

2. Tài liệu xác định kiểu dáng công nghiệp cần bảo hộ là bộ ảnh chụp, bản vẽ kiểu dáng công nghiệp (nộp 04 bộ ảnh chụp, bản vẽ đối với trường hợp đơn được nộp dạng giấy).

3. Bản mô tả kiểu dáng công nghiệp.

4. Văn bản ủy quyền (nếu đơn nộp thông qua đại diện).

5. Tài liệu chứng minh quyền đăng ký, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác.

6. Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên bao gồm:

a) Bản sao đơn hoặc các đơn đầu tiên của cơ quan đã nhận đơn đầu tiên;

b) Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên nếu quyền đó được thụ hưởng từ người khác.

7. Tài liệu khác bổ trợ cho đơn (nếu có).

III. Hướng dẫn các bước thực hiện:

Bước 1. Thiết kế, lựa chọn kiểu dáng công nghiệp dự kiến đăng ký bảo hộ

Đơn vị chủ động rà soát, lựa chọn các kiểu dáng công nghiệp do đơn vị nghiên cứu, sáng tạo hoặc phát triển, có khả năng đăng ký bảo hộ, nhằm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với hình dáng bên ngoài của sản phẩm, bộ phận sản phẩm hoặc sản phẩm phi vật lý theo quy định pháp luật. Trong quá trình thiết kế, lựa chọn kiểu dáng công nghiệp cần lưu ý:

- Kiểu dáng công nghiệp dự kiến đăng ký phải thể hiện hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoặc bộ phận sản phẩm, được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp các yếu tố này; thuộc đối tượng được bảo hộ theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ. Theo quy định mới, đối tượng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp được mở rộng, bao gồm kiểu dáng của phần không tách rời được của sản phẩm và kiểu dáng công nghiệp đối với sản phẩm phi vật lý.

- Kiểu dáng công nghiệp phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện bảo hộ theo

Điều 63 Luật Sở hữu trí tuệ, bao gồm: có tính mới, có tính sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghiệp.

- Ưu tiên lựa chọn các kiểu dáng có đặc điểm tạo hình riêng biệt, có tính thẩm mỹ, dễ nhận biết và có khả năng phân biệt với các kiểu dáng sản phẩm đã được công bố trước đó.

- Thực hiện tra cứu thông tin kiểu dáng công nghiệp đã được đăng ký, công bố trong nước và quốc tế để đánh giá sơ bộ khả năng bảo hộ, xác định các kiểu dáng trùng hoặc tương tự với kiểu dáng dự kiến đăng ký.

- Không lựa chọn các đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa kiểu dáng công nghiệp theo Điều 64 Luật Sở hữu trí tuệ, bao gồm: hình dáng bên ngoài của sản phẩm do đặc tính kỹ thuật của sản phẩm bắt buộc phải có; hình dáng bên ngoài của công trình xây dựng dân dụng hoặc công nghiệp; hình dáng của sản phẩm không nhìn thấy được trong quá trình sử dụng sản phẩm theo công dụng dự kiến.

- Xác định rõ tác giả kiểu dáng công nghiệp, chủ sở hữu kiểu dáng công nghiệp và chủ thể có quyền đăng ký theo quy định tại Điều 86 và Điều 122 Luật Sở hữu trí tuệ. Trường hợp kiểu dáng công nghiệp được tạo ra từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hoặc từ hoạt động hợp tác nghiên cứu, cần rà soát quyền đăng ký, quyền sở hữu, quyền quản lý, khai thác kết quả nghiên cứu và các thỏa thuận có liên quan theo quy định pháp luật.

- Đối với kiểu dáng công nghiệp có sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) trong quá trình nghiên cứu, thiết kế, cần xác định rõ cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động sáng tạo và bảo đảm việc xác định, kê khai tác giả đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Sở hữu trí tuệ. Lưu ý, pháp luật không công nhận hệ thống AI là tác giả kiểu dáng công nghiệp; tác giả phải là con người.

- Đặc biệt lưu ý giữ bí mật kiểu dáng công nghiệp trước khi nộp đơn đăng ký; hạn chế việc công bố công khai hình ảnh, bản vẽ, mẫu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, hội thảo, triển lãm, website hoặc chuyển giao cho bên thứ ba khi chưa có biện pháp bảo mật phù hợp, nhằm tránh ảnh hưởng đến điều kiện về tính mới của kiểu dáng công nghiệp. Trường hợp đã công bố, cần rà soát các trường hợp ngoại lệ về tính mới được quy định tại Điều 65 Luật Sở hữu trí tuệ. Theo đó, trong một số trường hợp kiểu dáng công nghiệp đã bị bộc lộ công khai nhưng vẫn được xem xét bảo hộ nếu đơn đăng ký được nộp trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bộc lộ và đáp ứng các điều kiện luật định.

Bước 2. Lập hồ sơ đăng ký kiểu dáng công nghiệp

Sau khi lựa chọn được kiểu dáng công nghiệp dự kiến đăng ký bảo hộ, đơn vị tiến hành:

- Xác định chính xác chủ thể có quyền đăng ký và đứng tên trên đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp theo quy định pháp luật.

- Xác định tên kiểu dáng công nghiệp, sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp và lĩnh vực sử dụng sản phẩm.

- Kê khai đầy đủ thông tin trong tờ khai đăng ký kiểu dáng công nghiệp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan; sử dụng biểu mẫu hiện hành theo hướng dẫn của Cục Sở hữu trí tuệ.

- Chuẩn bị bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ kiểu dáng công nghiệp thể hiện đầy đủ hình dáng của sản phẩm, bao gồm các hình chiếu cần thiết để thể hiện rõ các đặc điểm tạo dáng của kiểu dáng công nghiệp dự kiến đăng ký.

- Chuẩn bị bản mô tả kiểu dáng công nghiệp, trong đó trình bày tên kiểu dáng công nghiệp, lĩnh vực sử dụng, kiểu dáng công nghiệp tương tự gần nhất (nếu có), danh mục hình ảnh hoặc bản vẽ, phần mô tả chi tiết các đặc điểm tạo dáng và nội dung xác định phạm vi bảo hộ theo quy định.

- Chuẩn bị các tài liệu liên quan khác trong thành phần hồ sơ, bao gồm văn bản ủy quyền (nếu nộp đơn thông qua đại diện), tài liệu chứng minh quyền đăng ký (nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đăng ký từ người khác), tài liệu chứng minh quyền ưu tiên (nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên) và các tài liệu cần thiết khác theo quy định.

- Trường hợp đăng ký nhiều kiểu dáng công nghiệp trong cùng một đơn, cần bảo đảm đáp ứng điều kiện về tính thống nhất theo quy định tại khoản 5 Điều 100 Luật Sở hữu trí tuệ, cụ thể là các kiểu dáng thuộc một bộ sản phẩm có cùng ý tưởng sáng tạo chung hoặc một kiểu dáng kèm theo các phương án biến thể không khác biệt đáng kể với kiểu dáng đó.

- Kiểm tra, đối chiếu tính chính xác, thống nhất giữa thông tin chủ đơn, tác giả, tên sản phẩm, bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ và bản mô tả kiểu dáng công nghiệp trước khi nộp hồ sơ.

Bước 3. Nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp

Sau khi hoàn thiện hồ sơ, đơn vị tiến hành nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp tại cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (Cục Sở hữu trí tuệ) theo một trong các hình thức sau:

- Tự nộp đơn: Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hoặc cá nhân có quyền đăng ký trực tiếp nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định, gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc thực hiện nộp đơn trực tuyến theo quy định.

- Nộp đơn thông qua tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp: Đơn vị lựa chọn tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp được phép hoạt động theo quy định để được tư vấn, hỗ trợ tra cứu khả năng bảo hộ, đánh giá kiểu dáng công nghiệp, chuẩn bị bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ, hoàn thiện hồ sơ, nộp đơn và theo dõi quá trình xử lý đơn.

Bước 4. Theo dõi quá trình xử lý đơn và phản hồi yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

Sau khi nộp đơn, đơn vị có trách nhiệm:

- Lưu giữ giấy tiếp nhận đơn, số đơn, ngày nộp đơn và các tài liệu liên quan

đến quá trình nộp đơn để làm căn cứ theo dõi, thực hiện các thủ tục tiếp theo.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng xử lý đơn và các thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ về quá trình thẩm định hình thức, công bố đơn, thẩm định nội dung và các vấn đề liên quan đến việc cấp văn bằng bảo hộ.

- Kịp thời nghiên cứu, thực hiện việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc có ý kiến giải trình, phản hồi đối với các thông báo, yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ trong thời hạn quy định.

- Theo dõi kết quả thẩm định hình thức. Theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật Sở hữu trí tuệ, thời hạn thẩm định hình thức đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp là 01 tháng kể từ ngày nộp đơn. Trường hợp đơn có thiếu sót, đơn vị cần kịp thời thực hiện việc sửa chữa, bổ sung hoặc có ý kiến phản hồi trong thời hạn được thông báo.

- Theo dõi việc công bố đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp. Theo quy định tại Điều 110 Luật Sở hữu trí tuệ, đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được công bố trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày đơn được coi là hợp lệ về hình thức. Trường hợp người nộp đơn có yêu cầu công bố muộn tại thời điểm nộp đơn, đơn được công bố theo thời điểm yêu cầu nhưng không quá 07 tháng kể từ ngày nộp đơn.

- Theo dõi thời hạn tiếp nhận ý kiến phản đối của bên thứ ba đối với việc cấp văn bằng bảo hộ. Theo quy định tại Điều 112a Luật Sở hữu trí tuệ, thời hạn phản đối đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp là 03 tháng kể từ ngày đơn được công bố. Ngoài ra, người thứ ba có quyền đưa ra ý kiến về việc cấp hoặc không cấp văn bằng bảo hộ kể từ ngày đơn được công bố đến trước ngày có quyết định cấp văn bằng bảo hộ theo Điều 112 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Theo dõi quá trình thẩm định nội dung đơn để đánh giá khả năng đáp ứng các điều kiện bảo hộ về tính mới, tính sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 119 Luật Sở hữu trí tuệ, thời hạn thẩm định nội dung đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp là 05 tháng kể từ ngày công bố đơn.

- Thực hiện đầy đủ các khoản phí, lệ phí liên quan đến việc nộp đơn, phân loại, công bố, thẩm định và cấp văn bằng bảo hộ theo quy định.

- Trường hợp có thông báo dự định từ chối cấp văn bằng bảo hộ, đơn vị cần nghiên cứu lý do, chuẩn bị tài liệu và ý kiến phản hồi, giải trình hoặc sửa đổi hồ sơ theo quy định và thời hạn được thông báo.

- Trường hợp kiểu dáng công nghiệp đáp ứng điều kiện bảo hộ, thực hiện đầy đủ các khoản phí, lệ phí cấp văn bằng bảo hộ theo thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ để được cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.

- Sau khi được cấp văn bằng bảo hộ, đơn vị có trách nhiệm quản lý, khai thác kiểu dáng công nghiệp và thực hiện thủ tục gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ theo quy định tại Điều 93 Luật Sở hữu trí tuệ. Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 05 năm kể từ ngày nộp đơn và có thể được gia hạn 02 lần liên tiếp, mỗi lần 05 năm. Như vậy, thời hạn bảo hộ tối đa là 15 năm kể từ ngày nộp đơn.